

# THƯƠNG MẠI HÓA KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU Ở CÁC VIỆN, TRƯỜNG ĐẠI HỌC(\*)

■ Hoàng Văn Hợ

*Công ty TNHH 1 TV Dịch vụ và Công nghệ nuôi trồng thủy sản*



## 1. Thực trạng hoạt động thương mại hóa kết quả nghiên cứu tại viện, trường đại học

Hiện nay, công nghệ được coi là công cụ tăng sức cạnh tranh và chất lượng sản phẩm. Trong đó, các viện nghiên cứu, trường đại học chính là nơi chủ yếu tạo ra công nghệ và tài sản trí tuệ. Còn việc nghiên cứu khoa học là nguồn chính để tạo ra các sáng chế có thể thương mại hóa. Tuy nhiên, vấn đề liên kết, hợp tác và chuyển giao công nghệ vẫn còn nhiều hạn chế. Hoạt động chuyển giao công nghệ trong trường đại học hiện nay đã được tăng cường hơn trước, song thương mại hóa công nghệ vẫn còn yếu, chưa đồng bộ và tồn tại nhiều hạn chế.

Có thể thấy tình hình thương mại hóa công nghệ trong các trường đại học ở Việt Nam nói chung và

tỉnh ta nói riêng đang có rất nhiều chuyển biến và thay đổi tích cực. Nhận thức của doanh nghiệp về vai trò của khoa học và công nghệ (KH&CN), đổi mới KH&CN ngày càng tăng lên nhằm tạo thêm sức cạnh tranh. Trong các trường đại học, viện nghiên cứu, hướng nghiên cứu khoa học đã ngày càng gắn kết với thực tiễn hơn. Chính sách khuyến khích của nhà nước tạo điều kiện thuận lợi để liên kết các trường đại học với doanh nghiệp, phát triển thị trường KH&CN, thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu. Nhiều văn bản Luật liên quan đến vấn đề này như: Luật

KH&CN, Luật Chuyển giao KH&CN, Luật Sở hữu trí tuệ... cũng đã tạo ra các hành lang pháp lý phù hợp để thúc đẩy mối liên kết này.

Bên cạnh những thuận lợi, việc thương mại hóa công nghệ trong các viện, trường đại học vẫn còn phải gặp nhiều khó khăn cần khắc phục. Từ phía viện, trường đại học, nhu cầu và khả năng liên kết với doanh nghiệp của các trường đại học chưa cao do thiếu động lực và thiếu cơ chế gắn kết, sản phẩm KH&CN còn ít và kém chất lượng; năng lực và trang thiết bị còn hạn chế, thời gian nghiên cứu dài trong khi nhu cầu doanh nghiệp cần sớm có công nghệ; thiếu cơ quan chuyên trách hiểu biết và gắn kết doanh nghiệp. Từ phía doanh nghiệp, phần lớn doanh nghiệp Việt Nam có quy mô nhỏ, quy trình sản xuất đơn giản, tài chính hạn chế, khó có điều kiện liên kết. Các doanh nghiệp vẫn chưa quan tâm đúng mức đến cơ chế đầu tư tài chính cho việc nghiên cứu khoa học và đổi mới công nghệ, thẩm định giá công nghệ... Ngoài ra, còn một vấn đề nhạy cảm là bảo mật kinh doanh, nhiều doanh nghiệp vẫn chưa thực sự tin tưởng vào các trường đại học... Về phía nhà nước, còn nhiều chính sách ưu tiên cho trường công lập nên trường đại học và các doanh nghiệp vẫn chưa tích cực liên kết với nhau. Thông tin từ các chính sách khuyến khích chưa được phổ biến đầy đủ, kịp thời, thiếu cơ quan chuyên môn xúc tiến liên kết đại học - doanh nghiệp. Bên cạnh đó, nhận thức và bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ còn yếu kém nên đã ảnh hưởng không nhỏ đến thương mại học công nghệ đại học - doanh nghiệp và hoạt động sáng tạo tại các trường đại học.

Một trong những yếu tố giữ vai trò quan trọng giúp thương mại hóa công nghệ thành công tại Việt Nam chính là quyền sở hữu trí tuệ (SHTT). Việc sử dụng bảo hộ, thương mại hóa tài sản trí tuệ và tuyên truyền kiến thức về sở hữu trí tuệ không chỉ là mối quan tâm nhà nước, các viện, trường đại học mà còn của rất nhiều doanh nghiệp. Nhận thức về kiến thức SHTT đang tăng lên đáng kể. Tuy nhiên, tình hình bảo hộ quyền SHTT hiện nay ở nước ta chưa thực sự mạnh. Số lượng đơn đăng kí sáng chế còn ít, trong đó chủ yếu là ngân hàng và kinh doanh công nghệ. Tình trạng xâm phạm quyền SHTT đang là vấn đề nhức nhối với nhiều diễn biến phức tạp. Tình trạng này đã gây tâm lý chán nản, mất động lực cho người

nghiên cứu khoa học và những người làm công tác chuyển giao công nghệ.

## **2. Một số nguyên nhân của những tồn tại, khó khăn**

Các trường đại học, viện nghiên cứu là nơi tập trung các hoạt động nghiên cứu, phát triển công nghệ và lưu giữ hầu hết các kết quả nghiên cứu, sáng chế. Mặc dù không ít viện, trường đã đạt được nhiều thành công trong việc chuyển giao công nghệ, thương mại hóa các sáng chế nhưng theo đánh giá của các chuyên gia, con số này chưa tương xứng với tiềm năng.

Nguyên nhân chủ yếu vẫn thuộc về các doanh nghiệp, nhà khoa học và nhà quản lý. Về phía các doanh nghiệp, do thiếu thông tin và sự tin cậy, chưa mạnh dạn tìm mua những thiết bị, công nghệ được sản xuất trong nước, họ thường chọn phương án nhập khẩu thiết bị, công nghệ nước ngoài, tuy giá cao nhưng có vẻ đảm bảo, ít mạo hiểm và rủi ro hơn. Về phía nhà khoa học, do thiếu điều kiện để triển khai các ý tưởng khoa học, triển khai thực nghiệm, hoàn thiện công nghệ từ các đề tài nghiên cứu và thiếu kinh phí để triển khai, thiếu thông tin về nhu cầu của doanh nghiệp, nên hoạt động nghiên cứu chưa sát với thực tiễn sản xuất, chưa tạo được lòng tin đối với doanh nghiệp, vì vậy, những kết quả nghiên cứu khó được thương mại hóa.

Hơn nữa thực trạng hiện nay cho thấy, việc chậm thương mại hóa các tài sản trí tuệ phần lớn là do chính bản thân các tác giả nghiên cứu, sáng chế chưa chủ động khai thác thương mại sản phẩm của mình. Kết quả khảo sát tại các viện nghiên cứu, trường đại học cho thấy, sau khi hoàn thành đề tài, phần lớn các nhà nghiên cứu thường chuyển sang thực hiện các đề tài khác. Có thể kể ra các nguyên nhân sau:

## NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

Thứ nhất, cơ chế thu hút, ưu đãi giảng viên tham gia vào nghiên cứu khoa học chưa thực sự hiệu quả, thiếu sự liên kết giữa nhà trường với doanh nghiệp để tạo đầu ra cho nghiên cứu.

Thứ hai, về kinh phí, đây là vấn đề then chốt nhất và vướng mắc nhất của nghiên cứu khoa học trong trường đại học. Hàng năm, nhà nước đầu tư cho nghiên cứu khoa học là 2-5% GDP. Trong số này, Bộ KH&CN chỉ nhận được khoảng 8-10% tổng chi ngân sách. Số kinh phí này lại phân chia chưa hợp lý, dàn trải giữa trung ương và địa phương, giữa cơ quan này với cơ quan khác... Vì thế, kinh phí thực sự cho nghiên cứu khoa học tại trường đại học rất hạn chế, đôi khi giáo viên chỉ coi nghiên cứu khoa học là điều kiện bắt buộc phải hoàn thành.

Thứ ba, các tổ chức KH&CN cũng như cá nhân các nhà khoa học chưa quan tâm đến việc thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học. Đối với các tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN, nghiệm thu kết quả nghiên cứu khoa học đồng nghĩa với việc kết thúc ý tưởng nghiên cứu và chuẩn bị các ý tưởng nghiên cứu tiếp theo. Cho đến nay, chưa có nhiều tổ chức KH&CN xây dựng cơ sở dữ liệu, lập hồ sơ quan sát và đánh giá các đề tài nghiên cứu sau khi đã nghiệm thu. Các cá nhân, tổ chức nghiên cứu khoa học ở Việt Nam cũng không quan tâm đúng mức đến việc thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học của họ.

### **3. Một số đề xuất thúc đẩy nghiên cứu khoa học, chuyển giao kết quả nghiên cứu và phát triển thương mại hóa kết quả nghiên cứu ở các viện, trường đại học vào sản xuất, kinh doanh**

Thứ nhất là tăng kinh phí nghiên cứu khoa học. Mặc dù kinh phí dành cho nghiên cứu khoa học ở nước ta so với một số nước trong khu vực hiện nay không phải quá thấp nhưng việc phân bổ chưa hợp lý đã ảnh hưởng đến tính hiệu quả và là tác nhân làm cho kinh phí nghiên cứu khoa học tăng lên. Vì vậy, các cơ quan liên quan, các trường đại học cần quan tâm đến vấn đề này để phân bổ, sử dụng hiệu quả, đúng mục đích.

Xây dựng chính sách mua của Nhà nước đối với kết quả nghiên cứu của tổ chức KH&CN. Đây là nhiệm vụ được đặt ra trong Nghị quyết số 46/NQCP ngày 29/3/2013 của Chính phủ về ban hành chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01/11/2012 của Hội nghị lần thứ 6 Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về phát triển KH&CN phục vụ sự nghiệp



Giờ nghiên cứu thực hành của sinh viên Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật Công nghiệp Việt Nam - Hàn Quốc

công nghệ hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

Thứ hai, có chính sách ưu tiên phù hợp để khuyến khích các nhà nghiên cứu. Cụ thể như: Ban hành chính sách bồi dưỡng đào tạo, đãi ngộ, tôn vinh đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học. Đồng thời, đổi mới công tác tuyển dụng, bố trí, đánh giá và bổ nhiệm cán bộ nghiên cứu khoa học dựa trên những giá trị đóng góp nổi bật trong nghiên cứu khoa học và cải tiến kỹ thuật. Có chính sách ưu đãi nhằm thu hút các chuyên gia, nhà khoa học ở trong và ngoài nước tham gia hoạt động.

Thứ ba, thay đổi phương thức tổ chức các nhiệm vụ KH&CN, tổ chức theo chương trình nghiên cứu gắn với mục tiêu từng giai đoạn, tránh dàn trải, quy hoạch phát triển tiềm lực KH&CN gắn với các ngành đào tạo, hướng tới nghiên cứu sản phẩm khoa học chất lượng cao. Bên cạnh đó, đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động nghiên cứu khoa học gắn với doanh nghiệp, hướng tới tự chủ đại học. Các cơ quan quản lý nhà nước về KH&CN cần xây dựng cơ sở dữ liệu và các báo cáo về nhu cầu ứng dụng tiên bộ KH&CN ở các ngành và địa phương trong cả nước. Đây là một trong những cơ sở quan trọng giúp cá nhân, tổ chức KH&CN hình thành các ý tưởng nghiên cứu hướng nhiều hơn vào thị trường. Báo cáo về nhu cầu ứng dụng các tiên bộ KH&CN cũng là một tài liệu tham khảo cho việc mua hay đặt hàng của nhà nước đối với KH&CN.

Thứ tư, thay đổi chính sách hoạt động KH&CN cho các nhà khoa học trong trường đại học. Theo đó các nhà khoa học có thể huy động vốn, sử dụng nguồn lực trang thiết bị đầu tư cho phát triển sản phẩm, thương mại hóa sản phẩm bằng cách hình thành các doanh nghiệp trong các trường đại học, hướng tới phát triển sản phẩm gắn với đào tạo nhân lực chất lượng cao.

Thứ năm, các trường cần đẩy mạnh tái cấu trúc hoạt động KH&CN và đào tạo của nhà trường hướng tới ứng dụng thực tiễn, liên ngành theo xu hướng tự chủ, tạo cơ chế thông thoáng thu hút các nhà khoa học tham gia nghiên cứu như hưởng % lợi ích từ việc tạo ra các dự án, đề tài nghiên cứu khoa học; hưởng % kinh phí từ việc chuyển giao các sản phẩm

KH&CN còn khả năng thương mại hóa và ứng dụng thực tiễn.

Cần tiếp tục thành lập doanh nghiệp KH&CN và vườn ươm công nghệ, phát triển chương trình hỗ trợ thương mại hóa công nghệ và chính sách ưu đãi về thuế hỗ trợ chuyển giao công nghệ đại học - doanh nghiệp, tổ chức gặp mặt thường xuyên giữa nhà nước - đại học - doanh nghiệp.

#### **4. Kết luận**

Thực trạng thương mại hóa các kết quả nghiên cứu tại trường đại học và viện nghiên cứu của Việt Nam hiện nay còn phụ thuộc rất nhiều vào mối liên kết chặt chẽ giữa ba nhà (nhà quản lý, nhà khoa học và doanh nghiệp). Chính vì vậy, để thúc đẩy phát triển thương mại hóa tại các trường đại học và viện nghiên cứu thì cần phải hỗ trợ thúc đẩy phát triển đồng đều các yếu tố của thị trường KH&CN, đồng thời phải hoàn thiện hành lang pháp lý cho các bên tham gia vào thị trường KH&CN. Bổ sung và tăng cường hợp tác các hệ thống cơ sở dữ liệu liên quan đến thị trường KH&CN để các doanh nghiệp, nhà khoa học... có thể tiếp cận và tra cứu thông tin./.

*\* Báo cáo tham luận tại Hội thảo Thực trạng và giải pháp thu hút, tập hợp đội ngũ trí thức tại Nghệ An đến năm 2030 (tháng 11/2019)*

#### **Tài liệu tham khảo**

1. Thủ tướng Chính phủ (2004), Quyết định số 17/01/2004/QĐ-TTg về phê duyệt Đề án đổi mới cơ chế quản lý KH&CN.
2. Phạm Thị Lan Anh (2013), *Khắc phục những vướng mắc trong chế độ tài chính đối với nghiên cứu khoa học trong các trường đại học ở Việt Nam - Nghiên cứu trường hợp Học viện Tài chính*, Luận văn thạc sĩ chuyên ngành Quản lý KH&CN.
3. Đào Văn Khanh, Phạm Thị Ly, Nguyễn Văn Tuấn (2012), *Đầu tư Nghiên cứu khoa học*.